



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 Nguyễn Văn Luông, phường 11, quận 6,
thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38753773 Fax: (028) 54060740

Website: www.Hotec.edu.vn; Email: ktkthcm@hotec.edu.vn

SỔ TAY BẢO ĐẢM

CHẤT LƯỢNG

Ban hành lần: 06

Hiệu lực từ ngày: /12/2023

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2023



THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang/ phần liên quan sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/ lần sửa đổi	Ngày ban hành
1	I. Mục 1-3 chủ chốt	Sửa đổi tên các đơn vị; danh sách cán bộ	06	/12/2023
2	II. Phạm vi áp dụng	Tách đơn vị	06	/12/2023
3	IV. Danh mục Hệ thống các tài liệu	Danh mục hệ thống quy định có hủy bỏ và bổ sung	06	/12/2023

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên Tiếng Anh: HO CHI MINH CITY TECHNICAL AND ECONOMIC COLLEGE

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: 215 Nguyễn Văn Luông, P11, Q 6, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 1: 215 Nguyễn Văn Luông, P11, Q6, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 028- 38753773; Số fax: 028- 54060740

Cơ sở 2: Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

Email: ktkthcm@hotec.edu.vn; Website: www.hotec.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1998

- Năm nâng cấp thành trường cao đẳng: 2008

Loại hình trường: Công lập ☒ ; Tư thực ☐

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

m

2. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh là trường công lập có tiền thân từ trường *Trung học Nghề Phú Lâm* được thành lập vào tháng 10 năm 1998 theo quyết định số 5574/QĐ-UB-VX. Trường được đổi tên thành *Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Phú Lâm* theo Quyết định số 2831/QĐ-UB-VX, ngày 17/5/1999. Tháng 4 năm 2018, được nâng cấp thành lập ***Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Lâm*** (trên cơ sở trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Phú Lâm). Xuất phát từ thực tiễn phát triển quy mô, tầm vóc của trường, từ định hướng của Thành phố và nhu cầu đào tạo theo xu thế mới, Trường đã quyết định xin phép Ủy ban nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh, Bộ GD&ĐT được đổi tên trường thành ***Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành Phố Hồ Chí Minh*** vào ngày 24/10/2014 cho phù hợp với vai trò mới của trường.

Từ định hướng phát triển của khu vực, đã đề ra theo Nghị quyết, Hội đồng nhân dân Thành phố định hướng xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành một trung tâm lớn về Giáo dục đào tạo chất lượng cao của cả nước và khu vực. Để thực hiện được mục tiêu của trường và để xứng đáng với tên trường gắn với thành phố Hồ Chí Minh- Một trong hai thành phố lớn nhất của cả nước, nhà trường không ngừng *đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học hiện đại, đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy năng lực học tập và nghiên cứu của sinh viên, nâng cao chất lượng đào tạo*. CB- GV- NV cùng đoàn kết, thống nhất cao về mục tiêu đào tạo và phát triển của trường để góp phần vào sự phát triển của nhà trường cũng như sự phát triển của nền giáo dục nước nhà. Đồng thời, nhà trường luôn phấn đấu tạo dựng được thương hiệu: “Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Thành Phố Hồ Chí Minh” có uy tín, chất lượng, đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới nhà trường một cách căn bản và toàn diện, cả bề rộng và chiều sâu hướng tới ***“Tầm nhìn trở thành trường cao đẳng chất lượng cao có uy tín hàng đầu quốc gia và đạt chuẩn quốc tế”*** (tầm nhìn – 2030).

Xác định chất lượng là vấn đề sống còn của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp, năm 2020 nhà trường thực hiện Tự đánh giá theo thông tư số 15/2017/TT- BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017, thông tư Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Bộ lao động Thương Binh - Xã hội. Tự đánh giá đã giúp nhà trường có định hướng nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược trong mọi hoạt động và không ngừng không ngừng cải tiến chất lượng, đầu tư đồng bộ, mang lại nhiều thay đổi tích cực, những kết quả đáng khích lệ trong các hoạt động đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ, hoàn thiện CSVC phục vụ dạy và học.

Kết quả đánh giá Kiểm định ngoài và ***đạt Kiểm định chất lượng GDN*** với số điểm: 93/100 điểm. Song song với công tác Kiểm định chất lượng, nhà trường cũng đổi mới công tác quản lý, triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, được đánh giá, cấp chứng nhận cấp Quốc tế và Việt Nam năm 2012 và tiếp tục vận hành đánh giá giám sát và duy trì qua các năm. Từ hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, nhà trường phát triển thành ***hệ thống Đam***

bảo chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT - BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 thông tư quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp. Trải qua quá trình vận hành hệ thống Đảm bảo chất lượng, cùng với công tác Kiểm định chất lượng giáo dục, ***văn hóa chất lượng trong nhà trường được hình thành.***

Nhà trường được Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội thống nhất bổ sung vào danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung đồng bộ theo tiêu chí trường chất lượng cao, nghề trọng điểm và trường lựa chọn nghề trọng điểm đến năm 2020 theo công văn số 20833/SLĐTBXH - DN của Giám đốc ngày 10 tháng 8 năm 2017. Đây là cơ hội, cũng là thách thức để nhà trường không ngừng nỗ lực, phát triển trong xu thế hội nhập ngày nay, khẳng định thương hiệu chất lượng của nhà trường trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, góp phần vào phát triển giáo dục trong cả nước. Trải qua quá trình vận hành hệ thống Đảm bảo chất lượng, cùng với công tác Kiểm định chất lượng giáo dục, ***văn hóa chất lượng trong nhà trường được hình thành.*** Con người là nhân tố quyết định cho mọi sự phát triển, do vậy, trong những năm qua nhà trường không ngừng chăm lo xây dựng và phát triển đội ngũ CB-GV-NV được nâng cao cả về chất lượng và số lượng.

Tính đến tháng 12 năm 2023, trường có 09 phòng, 8 khoa, 04 trung tâm và trạm y tế, cơ cấu tổ chức hoạt động của nhà trường được phân cấp rõ ràng về chức năng phù hợp với cơ cấu ngành nghề đào tạo và mục tiêu của nhà trường. Các tổ chức Đảng, công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh, chữ thập đỏ. Có các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường thực hiện đúng theo điều lệ, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Về đội ngũ, nhà trường có 233 CB- GV- NV, trong đó giảng viên là 149 người, có 02 tiến sĩ, 117 trình độ thạc sĩ, 30 trình độ Đại học và giảng viên thỉnh giảng.

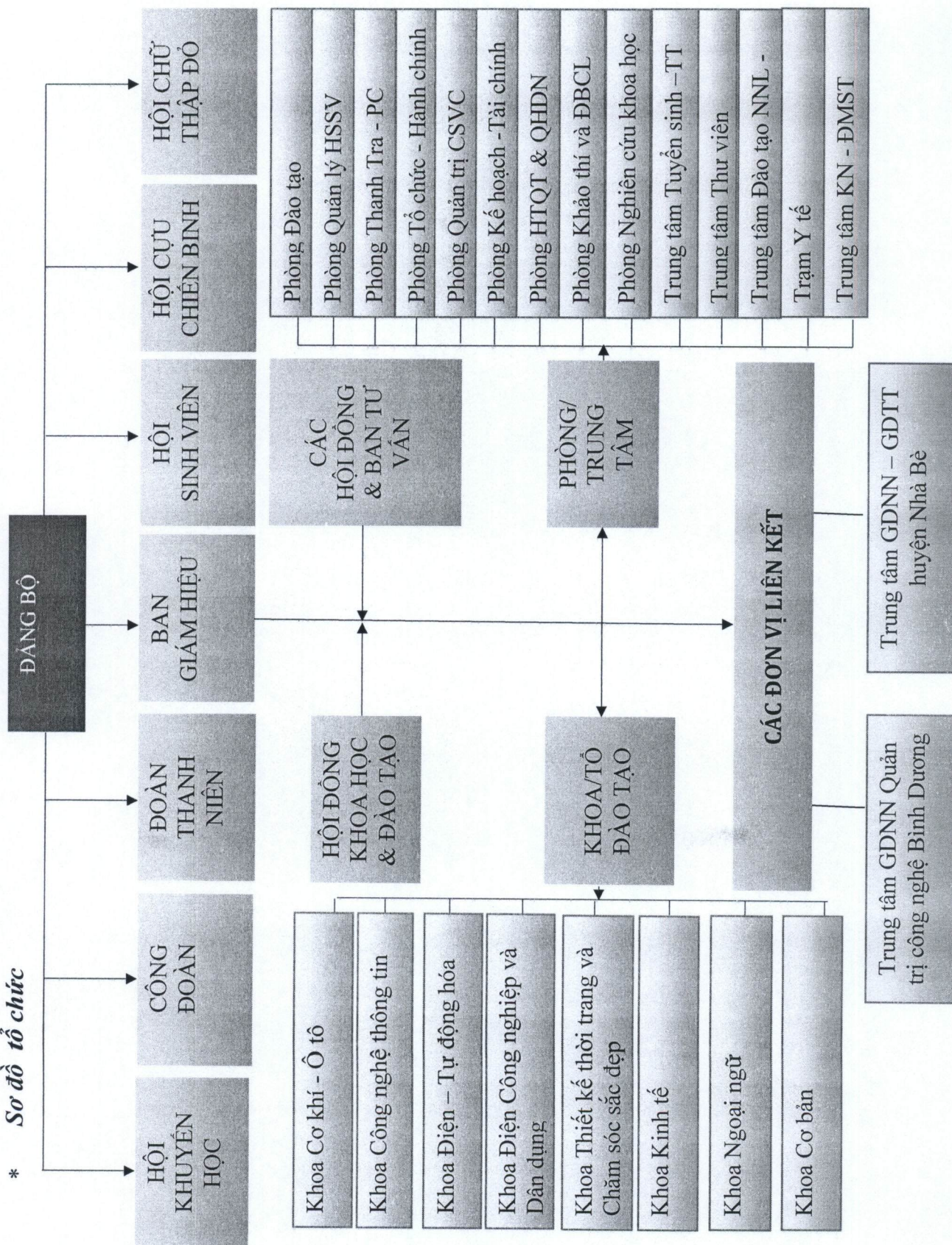
Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường lập được nhiều thành tích khen thưởng và danh hiệu thi đua trong quá trình hoạt động và phát triển qua những kết quả nổi bật, tiêu biểu nhất của trường:

Về khen thưởng: Nhà trường đạt bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (2010); bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2011) bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục theo (2012). Đặc biệt, được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng ba (2017).

Về danh hiệu thi đua tập thể: Từ năm 2009 đến nay, nhiều năm liền nhà trường nhận được Cờ Thi đua Xuất sắc, Tập thể Lao động xuất sắc

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

* Sơ đồ tổ chức



*** Tổ chức nhân sự:**

- Tổng số CB- GV- NV (cơ hữu 11/2023): 233 người
- + Ban giám hiệu: 04 người
- + Cán bộ quản lý phòng, trung tâm (trưởng/ phó đơn vị): 19 người
- + Cán bộ quản lý Khoa, Bộ môn: 18 người
- + Giảng viên: 149 người (bao gồm GV giữ chức vụ quản lý và khối văn phòng)
- + Nhân viên: 84 người
- **Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà trường:**

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Khê Văn Mạnh	20/07/1967	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
	Phan Văn Thanh Cần	26/08/1965	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Thị Thanh Tâm	14/06/1968	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Phạm Ngọc Diễm	15/11/1977	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2. Trưởng các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, Hội Sinh viên, Hội Chữ Thập đỏ				
Đảng Bộ	Khê Văn Mạnh	20/07/1967	Thạc sĩ	Bí thư
Đoàn TN	Nguyễn Ngọc Kim Phương	26/06/1993	Thạc sĩ	Bí thư
Công đoàn	Phạm Thanh Bình	30/05/1983	Thạc sĩ	Chủ tịch
Hội khuyến học	Phan Văn Thanh Cần	26/08/1965	Thạc sĩ	Chủ tịch
Hội Cựu chiến binh	Lê Thành Nhân	06/10/1980	Thạc sĩ	Chủ tịch
Hội sinh viên	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	17/02/1994	Thạc sĩ	Chủ tịch
Hội Chữ Thập đỏ	Nguyễn Thị Thanh Tâm	14/06/1968	Thạc sĩ	Chủ tịch
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Trần Thị Kim Phượng	22/01/1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Lâm Văn Thi	01/01/1976	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Kế hoạch – Tài chính	Lê Nguyễn Trường An	05/2/1990	Thạc sĩ	P.Trưởng phòng/Phụ trách Kế toán

h

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Phan Khánh Tâm	25/10/1980	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Quản lý HSSV	Phan Thanh Tòng	20/12/1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Hợp tác quốc tế & QHĐN	Dương Thị Tuyết Lan	21/06/1977	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Thanh tra – Pháp chế	Trần Tấn Sang	30/09/1972	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Nghiên cứu khoa học	Lê Thanh Sơn	05/02/1978	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Quản trị Cơ sở vật chất	Đặng Đức Dũng	22/12/1980	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Trưởng các trung tâm, trạm trực thuộc				
Trung tâm Thư viện	Đỗ Đặng Nguyệt Hằng	13/12/1978	Thạc sĩ	Giám đốc
Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực & Dịch vụ	Huỳnh Thị Tuyết Hồng	06/10/1978	Thạc sĩ	Giám đốc
Trung tâm Khởi nghiệp – Đổi mới sáng tạo	Lâm Văn Thi	01/01/1976	Thạc sĩ	Giám đốc
Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	Ngô Thanh Sang	10/10/1983	Thạc sĩ	P.Giám đốc
Trạm Y tế	Phan Thanh Tòng	20/12/1978	Thạc sĩ	
5. Trưởng các khoa				
Khoa Công nghệ thông tin	Đỗ Đặng Nguyệt Hằng	13/12/1978	Thạc sĩ	Trưởng Khoa
Khoa Cơ bản	Lê Thị Hiền	18/06/1984	Tiến sĩ	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế	Nguyễn Hoàng Anh	18/04/1982	Thạc sĩ	Phụ trách/Phó Trưởng khoa



Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
Khoa Ngoại ngữ	Phạm Thị Thu Thảo	16/11/1979	Thạc sĩ	Phụ trách/Phó Trưởng khoa
Khoa Cơ khí – Ô tô	Hồ Văn Nhất	18/10/1972	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện Công nghiệp và dân dụng	Nguyễn Quang Nguyên	29/10/1981	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện – Tự động hóa	Phạm Thanh Hải	06/03/1979	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Thiết kế thời trang và Chăm sóc sắc đẹp	Nguyễn Thị Châu	22/12/1982	Thạc sĩ	Phụ trách/Phó Trưởng khoa

Tổng số viên chức 233 người (Biên chế, HĐ , HĐK)

- Giảng viên : 149 người,

- Nam: 71 người (cơ hữu)

- Nữ: 78 người (cơ hữu)

Đội ngũ giảng viên			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	0	2	2
Thạc sĩ	56	61	117
Đại học	14	16	30
Cao đẳng	0	0	0
Trung cấp	0	0	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	0
Trình độ khác	0	0	0
Tổng số	70	79	149

4. Các nghề đào tạo, quy mô tuyển sinh và quy mô đào tạo của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

- Ngành nghề đào tạo, quy mô tuyển sinh:

STT	Tên ngành	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Ghi chú
I	TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG:			
1	Tiếng Anh	6220206	150	
2	Quản trị kinh doanh	6340404	170	
3	Tài chính - Ngân hàng	6340202	50	
4	Kế toán	6340301	180	
5	Hệ thống thông tin	6320201	30	
6	Công nghệ thông tin	6480201	150	
7	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	6510201	60	
8	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	6510304	30	
9	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	6510202	150	
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	70	
11	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	6510312	30	
12	Công nghệ kỹ thuật Điều khiển - tự động hóa	6510305	30	
13	Tài chính doanh nghiệp	6340201	40	
14	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	6810101	30	
15	Marketing	6340116	30	
16	Công nghệ May	6540204	30	
17	May Thời trang	6540205	30	

18	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	30	
19	Thiết kế trang web	6480214	30	
20	Quản lý tòa nhà	6340434	30	
21	Logistic	6340113	35	
22	Quản lý siêu thị	6340443	35	
23	Quản trị khách sạn	6810201	35	
24	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	35	
Cộng Cao đẳng:			1.490	
II	TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP			
1	Điện tử dân dụng	5520224	30	
2	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	150	
3	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	5510312	30	
4	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	5510211	60	
5	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	5510304	30	
6	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	90	
7	Cơ khí chế tạo	5520117	90	
8	Tin học ứng dụng	5480205	90	
9	Thiết kế và quản lý website	5480215	60	
10	Quản trị mạng máy tính	5480209	30	
11	Kế toán doanh nghiệp	5340302	110	

12	Công nghệ may	5540204	90	
13	Tài chính doanh nghiệp	5340201	30	
14	Bảo trì và sửa chữa khung, vỏ ô tô	5520160	35	
15	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	35	
	Cộng Trung cấp:		960	
	Tổng cộng:		2.450	

Ghi chú: Quy mô tuyển sinh trên đã bao gồm quy mô tuyển sinh của hai cơ sở liên kết.

- Quy mô đào tạo: tính đến ngày 31/12 hàng năm

Trình độ đào tạo	Năm			
	2020	2021	2022	2023
Cao đẳng	2675	2450	2447	2190
Trung cấp	2163	2575	3026	3030
Tổng cộng	4838	5025	5473	5220

5. Cơ sở vật chất, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất: (tính đến 12/2023)

Trụ sở 1: 215- 217 Nguyễn Văn Luông, P11, Q 6, TP. Hồ Chí Minh

- Tổng diện tích đất : <23.455,9> m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: <13.480> m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: <9.977,5> m²

Trụ sở 2: Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

- Tổng diện tích đất : <46.633,40> m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: <7.158,5> m²

+ Diện tích cây xanh, lưu không: <39.474,90> m²

M

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng - m²)				
- Khu hiệu bộ	648,50	648,50	1.460,50	1.460,50
- Phòng học lý thuyết	4.032,60	4.032,60	8.366,20	8.366,20
- Phòng học thực hành	3.948,40	3.948,40	4.588,40	4.588,40
- Khu phục vụ				
+ Thư viện	331,50	331,50	1.081,50	1.081,50
+ Ký túc xá	0	0	209,20	209,20
+ Nhà ăn	145,90	145,90	145,90	145,90
+ Trạm y tế	138,60	138,60	27,72	27,72
+ Khu thể thao	4.077,00	4.077,00	4.077,00	4.077,00
- Hội trường	1.147,00	1.147,00	1.847,00	1.847,00
2. Tổng số máy tính của trường:	1.071	1.049	1.230	1.230
- Dùng cho văn phòng	142	124	159	159
- Dùng cho HSSV học tập	768	761	910	910

5.2. Trung tâm Thư viện:

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng số sách của trường:	13.731	14.733	12.204	12.204
Trong đó, số đầu sách chuyên ngành:	10.658	7.197	7.070	7.070

2. Tổng số máy tính của trường:	1.011	1.071	1.079	1.079
- Dùng cho văn phòng	148	138	126	126
-Trang bị Giảng viên giảng dạy	165	165	143	143
- Dùng cho học sinh học tập	863	768	810	810

5.3. Tài chính:

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Nguồn thu	67.218	55.483	66.437	61.727
NSNN cấp	40.090	35.281	39.378	34.744
Thu học phí	23.521	17.352	20.545	23.078
ODA	0	0	0	0
Nguồn khác và thu dịch vụ	3.607	2.850	6.514	3.905
2. Tổng chi	63.611	52.633	59.923	57.340
3. Chi từ ngân sách	40.090	35.281	39.378	34.744
4. Chi từ nguồn học phí	2.097	1.748	4.535	2.631
5. Chi từ dịch vụ và thu khác	3.607	2.850	6.514	3.905

II. PHẠM VI ÁP DỤNG:

1. Quy mô áp dụng:

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành Phố Hồ Chí Minh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001- 2008, phiên bản năm 2008 do Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hóa I.S.O ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2008. Từ việc áp dụng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001- 2008, nhà

trường kiện toàn xây dựng và phát triển hệ thống Đảm bảo chất lượng theo Căn cứ thông tư số 28/2017/TT - BLĐT BXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Quy mô áp dụng hệ thống Bảo đảm chất lượng:

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| a. Phòng Tổ chức - Hành chính | l. Khoa CNTT |
| b. Phòng Đào tạo | m. Khoa Cơ bản |
| c. Phòng Quản trị CSVC | n. Khoa Ngoại ngữ |
| d. Phòng Khảo thí & ĐBCL | o. Khoa TKTT & CSSĐ |
| e. Phòng Quản lý HSSV | p. Khoa Kinh tế |
| f. Phòng Thanh tra - PC | q. Khoa Cơ khí – Ô tô |
| g. Phòng HTQT & QHDN | r. Khoa Điện CN & DD |
| h. Phòng NCKH | s. Khoa Điện - TĐH |
| i. Phòng Kế hoạch – Tài chính | t. Trung tâm Đào tạo NNL & DV |
| j. Trung tâm Thư viện | u. Trung tâm Khởi nghiệp & ĐMST |
| k. Trung tâm Tuyển sinh & TT | v. Trạm Y tế |

2. Lĩnh vực áp dụng:

Hệ thống bảo đảm chất lượng của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng trên các lĩnh vực sau: Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, công tác Tổ chức - Hành chính, công tác Quản lý HSSV, Quản trị cơ sở vật chất, Kế hoạch – Tài chính, Khảo thí & ĐBCL và một số công tác khác của nhà trường.

Nội dung áp dụng:

2.1 Sứ mạng và mục tiêu phát triển;

2.2 Chính sách và mục tiêu chất lượng;

2.3 Bảng kê các VB pháp quy liên quan đến việc quản lý và đào tạo của Trường;

2.4 Bảng kê các văn bản do Trường ban hành nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành nội bộ, kể cả các quy trình, thủ tục liên quan;

2.5 Bảng phân công trách nhiệm thực hiện các yêu cầu;

2.6 Bảng kê các mẫu biểu do các đơn vị xây dựng và áp dụng nhằm phục vụ công tác tổ chức, hoạt động của đơn vị;

2.7 Quy định về trách nhiệm và quyền hạn từng chức danh tại các đơn vị;

2.8 Bảng tổng hợp năng lực của giảng viên ứng với từng bậc - ngành đào tạo;

2.9 Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra ứng với từng ngành đào tạo của Trường.

2.10 Các biểu mẫu thực hiện sáu thủ tục bắt buộc

3 QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH VÀ MÔ TẢ MỐI LIÊN HỆ

1. Nội dung của các lĩnh vực quản lý chất lượng:

Trường xây dựng, lập văn bản, thực hiện, duy trì hệ thống quản lý chất lượng và cam kết thường xuyên nâng cao hiệu lực của hệ thống quản lý này bằng cách:

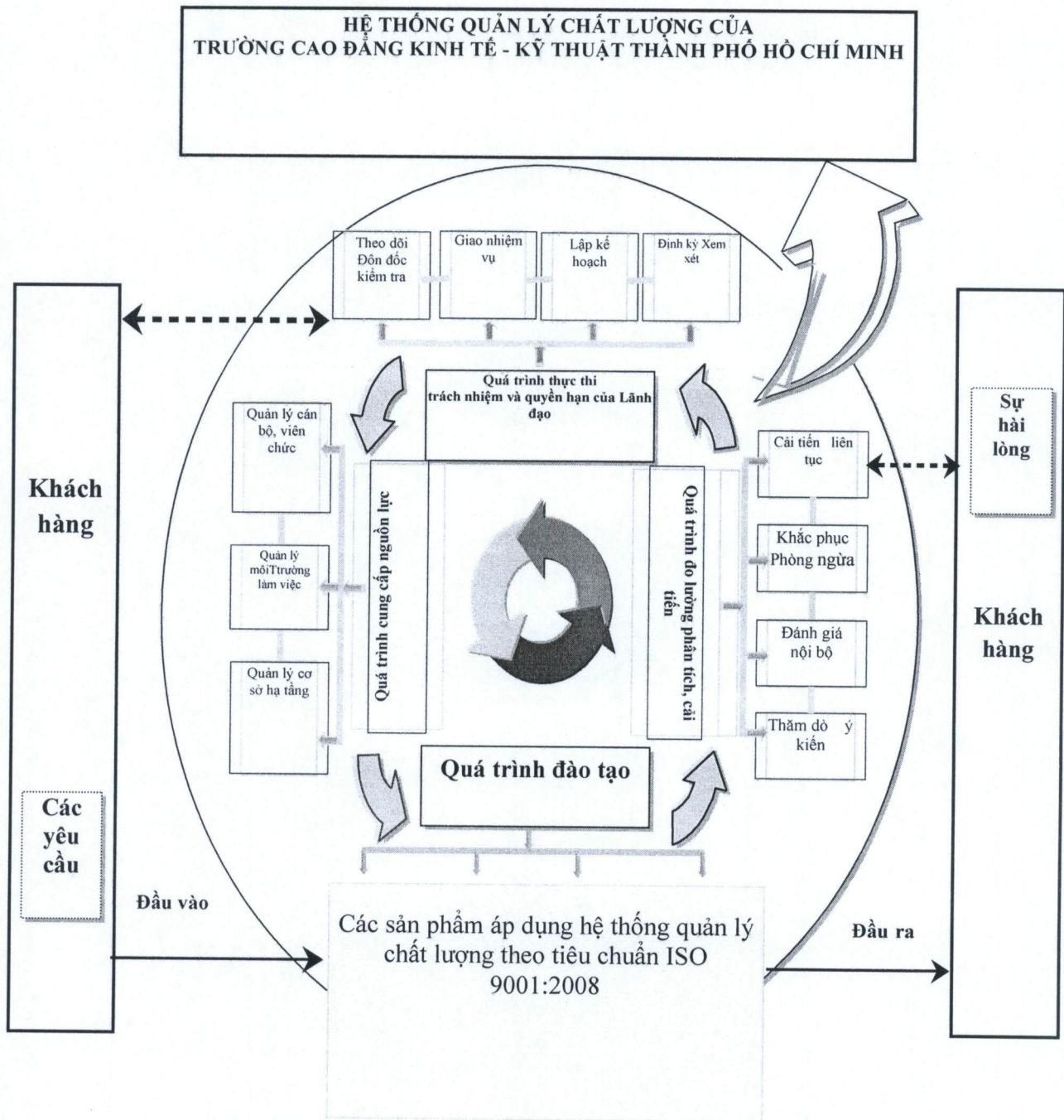
- Xác định các quá trình cần thiết trong hệ thống quản lý chất lượng liên quan đến các hoạt động đào tạo và áp dụng chúng đối với tất cả các đơn vị trực thuộc;
- Xác định trình tự và mối tương tác của các quá trình này;
- Xác định các tiêu chuẩn và phương pháp cần thiết để đảm bảo việc tác nghiệp, kiểm soát và đảm bảo các quá trình này có hiệu lực;
- Đảm bảo các nguồn lực (tài chính, nhân lực, cơ sở hạ tầng – kỹ thuật, môi trường làm việc) và các điều kiện cần thiết hỗ trợ hoạt động tác nghiệp và theo dõi các quá trình này;
- Đo lường, theo dõi và phân tích các quá trình này;
- Thực hiện các hành động khắc phục, phòng ngừa cần thiết để đạt được kết quả, chất lượng đã cam kết với khách hàng và cải tiến liên tục các quá trình này;
- Quản lý các quá trình này trên cơ sở các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO. Căn cứ Bảng trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung công việc tương ứng.

Khi Trường sử dụng nguồn lực bên ngoài ảnh hưởng đến sự phù hợp hoặc chất lượng của các hệ ngành đào tạo, phải đảm bảo nhận biết và kiểm soát được những quá trình đó.

Nhằm kiểm soát, đảm bảo và quản lý tốt chất lượng của các sản phẩm cung cấp cho khách hàng, Trường xây dựng hệ thống văn bản, bao gồm Cẩm nang chất lượng và 06 thủ tục bắt buộc của ISO. Hệ thống văn bản này bao gồm các tài liệu sau:

- Sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường;
- Phương châm, chính sách và mục tiêu chất lượng;
- Bảng kê các văn bản pháp quy bên ngoài liên quan đến công tác quản lý đào tạo của Trường;
- Bảng kê các văn bản do Trường ban hành nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành nội bộ, kể cả các quy trình, thủ tục, quy chế, quy định, hướng dẫn, quyết định, tiêu chuẩn, v.v... liên quan đến hoạt động của các đơn vị;
- Bảng phân công trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của ISO;
- Bảng kê các mẫu biểu do các đơn vị xây dựng và áp dụng nhằm phục vụ công tác tổ chức, hoạt động của đơn vị;
- Bảng quy định về trách nhiệm và quyền hạn của các chức danh;
- Bảng tổng hợp năng lực của giảng viên ứng với từng hệ ngành đào tạo;
- Bảng tổng hợp năng lực của cán bộ phục vụ giảng dạy;
- Bảng kế hoạch chất lượng ứng với từng hệ ngành đào tạo, bao gồm cả đề cương chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra;
- Các biểu mẫu thực hiện sáu thủ tục bắt buộc của tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Sáu thủ tục dạng văn bản theo yêu cầu của ISO bao gồm:
 - Thủ tục về kiểm soát tài liệu;
 - Thủ tục về kiểm soát hồ sơ;
 - Thủ tục về kiểm soát sự không phù hợp;
 - Thủ tục về đánh giá nội bộ;
 - Thủ tục về hành động khắc phục;
 - Thủ tục về hành động phòng ngừa.

2. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các nội dung của lĩnh vực quản lý



Ghi chú:



Hoạt động gia tăng giá trị



Dòng thông tin

Handwritten signature or mark.

DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI LIỆU

	Trung tâm Tuyển sinh & TT	X	X	X	X
	Trung tâm Thư viện	X	X	X	X
	Trung tâm Đào tạo NNL & DV	X	X	X	X
	Trung tâm khởi nghiệp & DMST	X	X	X	X
	Khoa Điện - TĐH	X	X	X	X
	Khoa Cơ Bản	X	X	X	X
	Khoa Ngoại Ngữ	X	X	X	X
	Khoa Điện CN & DD	X	X	X	X
	Khoa TKTT & CSSĐ	X	X	X	X
	Khoa Kinh tế	X	X	X	X
	Khoa CƠ KHÍ – Ô Tô	X	X	X	X
	Khoa CNTT	X	X	X	X
	Trạm Y tế	X	X	X	X
	Phòng NCKH	X	X	X	X
	Phòng Khảo thí & ĐBCL	X	X	X	X
	Phòng Quản lý HSSV	X	X	X	X
	Phòng Thanh tra – Pháp chế	X	X	X	X
	Phòng HTQT & QHDN	X	X	X	X
	Phòng Quản trị CSVC	X	X	X	X
	Phòng Đào tạo	X	X	X	X
	Phòng Kế hoạch – Tài chính	X	X	X	X
	Phòng TC - HC	X	X	X	X
	KÝ HIỆU	STBĐCL	CSCL-MTCL	QT04/TCHC	QT05/TCHC
	TÊN TÀI LIỆU	Sổ tay bảo đảm chất lượng	Chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng	Cử đi học sau đại học	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ
STT		1.	2.	3.	4.

u



[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

48.	Coi thi	QT09/KT&Đ BCL		X						X					X						
49.	Chăm thi	QT10/KT&Đ BCL		X						X					X						
50.	Tổ chức thi tốt nghiệp	QT11/P.KT& ĐBCL		X	X					X					X						
51.	Tự đánh giá chất lượng	QT12/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X		X					X						
52.	Đánh giá hệ thống Đảm bảo chất lượng	QT13/KT&Đ BCL	X	X	X	X	X	X		X					X						
53.	Sơ cứu khám chữa bệnh ban đầu	QT/01/TYT	X	X	X	X	X	X		X					X						
54.	Mua thuốc	QT/02/TYT	X	X	X	X	X	X		X					X						
55.	Hủy thuốc	QT/03/TYT	X	X	X	X	X	X		X					X						
56.	Lập hồ sơ thanh toán bảo hiểm tai nạn	QT/04/TYT	X	X	X	X	X	X		X					X						
57.	Khám sức khỏe CB-GV-CNV	QT/05/TYT	X	X	X	X	X	X		X					X						
58.	Lưu mẫu thực phẩm y tế	QT/06/TYT	X	X	X	X	X	X		X					X						

HÀN
 ĐỒN
 BẮN
 KỸ
 H P
 M
 H

[illegible]

[illegible]

